TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DSST
Ngày: 31-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thế Lộc.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lâm Ngọc H**, sinh năm 1986 và bà **Ngô Thị Ngọc L**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số A, Khu phố X, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (ông H, bà L có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Võ Thanh H2**, sinh năm 1990 và bà **Nguyễn Thị Kha L2**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Tổ N, ấp R, xã Y, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (ông H2, bà L2 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ông Võ Thanh H2 và bà Nguyễn Thị Kha L2 có vay tiền của ông Lâm Ngọc H và bà Ngô Thị Ngọc L các lần như sau: Ngày 22/10/2019 vay 20.000.000 đồng; ngày 28/10/2019 vay 30.000.000 đồng; ngày 04/11/2019 vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng hẹn tháng 02/2020 sẽ trả nhưng không thực hiện. Ngày 09/8/2020 vay thêm 2.000.000 đồng, trả được 1.500.000 đồng, còn nợ 500.000 đồng. Ngày 17/8/2020, mua thiếu 01 con gà giá 180.000 đồng không trả. Tổng số nợ tính đến ngày 17/8/2020 là 60.680.000 đồng.

Qua nhiều lần hứa hẹn nhưng ông H2 và bà L2 không thực hiện. Đến ngày 30/11/2020 giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, bà L2 có ký tờ cam kết tại Công an xã Y hứa trả mỗi tháng 4.000.000 đồng, nhưng sau đó chỉ thực hiện trả được 01 tháng, còn nợ lại số tiền 56.680.000 đồng. Ông H và bà L khởi kiện yêu cầu ông H2 và bà L2 phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 56.680.000 đồng, tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 4% của số tiền 60.000.000 đồng tính từ ngày 01/8/2020 đến ngày 30/11/2020 bằng số tiền 9.600.000 đồng và tiền lãi của 56.680.000 đồng là 4% từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/3/2021 bằng số tiền 5.660.000 đồng. Tổng số tiền buộc ông H2 và bà L2 phải trả là 71.940.000 đồng.

Ngày 10/5/2021, ông H và bà L làm đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông H2 và bà L2 trả tiền lãi phát sinh, chỉ yêu cầu trả tiền gốc là 56.680.000 đồng.

Theo lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Kha L2 trình bày:

Từ ngày 01/6/2019, bà Ngô Thị Ngọc L có đưa cho bà L2 mượn số tiền 60.000.000 đồng để bà L2 cho lại tiền góp mỗi ngày. Mỗi tháng bà L lấy lãi suất của bà L2 là 6.000.000 đồng, cho bà L2 tiền xăng 1.000.000 đồng nên mỗi tháng bà L2 đưa tiền lãi cho bà L là 5.000.000 đồng. Trong khi cho tiền góp thì bà L2 bị người khác giật nên bà L2 có nói với bà L khi nào làm bằng khoán đất xong sẽ vay tiền ngân hàng trả cho bà L nhưng bà L không đồng ý. Đến ngày 30/11/2020, bà L kêu xã hội đen đến nhà hành hung bà L2 trong lúc không có chồng bà L2 ở nhà nên bà L2 đã báo Công an xã can thiệp. Sau đó, Công an xã mời làm việc, bà L2 có viết tờ cam kết mỗi tháng trả cho bà L 4.000.000 đồng. Ngày 04/12/2020, bà L2 có đưa cho bà L số tiền 4.000.000 đồng. Bước sang tháng thứ hai, bà L2 có gửi 2.000.000 đồng cho BLĐ ấp R nhưng bà L không đồng ý nhận. Đến ngày

02/3/2021, Tổ hòa giải của ấp có mời hòa giải, ông H và bà L không thống nhất mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Do dịch bệnh Covid-19, gia đình gặp nhiều khó khăn vì không làm ăn được, bà L2 xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 04/5/2021, bị đơn ông Võ Thanh H2 trình bày như lời trình bày của vợ là bà Nguyễn Thị Kha L2. Bà L và ông H cho xã hội đen đến đòi nợ vợ chồng ông H2. Ông H và bà L còn hăm dọa đòi chém vợ ông và vào nhà đánh vợ ông. Do dịch bệnh Covid-19, ông H2 không đi làm kiếm tiền được, nên không có khả năng trả nợ, xin Tòa án xem xét cho hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tờ cam kết ngày 30/11/2020 (giấy viết tay); Phiếu thực hiện hòa giải cơ sở ngày 02/3/2021 (viết tay theo mẫu); 02 quyển sổ ghi nhiều thông tin về tên, ngày, tháng, số tiền (bản gốc).

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc yêu cầu bà L2, ông H2 cùng trả cho bà L và ông H số tiền gốc 56.680.000 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng); rút lại toàn bộ yêu cầu về tiền lãi tổng cộng là 15.260.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; giao gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng các điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự, buộc bà L2, ông H2 trả cho bà L và ông H số tiền gốc còn nợ là 56.680.000 đồng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tiền lãi 15.260.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Võ Thanh H2 và bà Nguyễn Thị Kha L2 có nơi cư trú tại ấp R, xã Y, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay còn thiếu. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Tờ cam kết ngày 30/11/2020 có ký tên Nguyễn Thị Kha L2 (giấy viết tay mực xanh); Phiếu thực hiện hòa giải cơ sở ngày 02/3/2021 của Tổ hòa giải ấp R (viết tay theo mẫu) và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Ngô Thị Ngọc L, ông Lâm Ngọc H và bà Nguyễn Thị Kha L2, ông Võ Thanh H2 có quan hệ hợp đồng vay tiền, thể hiện trong thời gian từ ngày 22/10/2019 đến ngày 17/8/2020, bà L2, ông H2 vay của bà L, ông H nhiều lần tổng số tiền là 60.680.000 đồng, trả được 4.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 56.680.000 đồng. Việc vay tiền không có làm biên nhận nhưng bà L2 và ông H2 đều thừa nhận, bà L2 có viết tờ cam kết trả nợ. Các bên không thỏa thuận thời gian trả và không thỏa thuận về lãi suất cụ thể, chỉ khi phát sinh tranh chấp thì các bên mới khai về việc đóng lãi, nhận lãi nhưng các bên đều khai nhận không thống nhất và cụ thể về tiền lãi. Đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, phù hợp quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Giao dịch dân sự được xác lập giữa các bên có hiệu lực theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn,..."*. Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự quy định: *"2. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản..."*. Do bà L2, ông H2 vi phạm việc trả nợ, nên bà L, ông H yêu cầu bà L2, ông H2 phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc là phù hợp quy định của pháp luật. Bà L2 và ông H2 đều thừa nhận còn nợ bà L và ông H khoản tiền gốc là 56.680.000 đồng nên cần buộc bà L2 và ông H2 phải có nghĩa vụ trả tiền gốc nêu trên cho bà L và ông H.

[4] Xét về tiền lãi: Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự về lãi suất quy định: *"2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"*. Mặc dù các bên đương sự có trình bày việc đóng lãi và nhận lãi, tuy nhiên không xác định rõ lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi cụ thể cũng không thống nhất và không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc giao nhận tiền lãi. Nguyên đơn đã có đơn xin rút lại yêu cầu về tiền lãi tổng số tiền là 15.260.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu rút lại phần tiền lãi. Đây là sự tự nguyện và là quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu về tiền lãi theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn yêu cầu phải tính lại tiền lãi đã đóng cho nguyên đơn mỗi tháng là 5.000.000 đồng trong một năm. Việc giao nhận tiền lãi giữa hai bên không có chứng cứ nào khác để chứng minh việc trả tiền lãi cụ thể như thế nào. Các bên trình bày không thống nhất về phần tiền lãi và đều không có ai đưa ra được chứng cứ chứng minh, trong khi nguyên đơn đã rút lại toàn bộ yêu cầu về tiền lãi là có lợi cho bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Tại phiên tòa, sau khi được Hội đồng xét xử phân tích, giải thích, bị đơn không yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã đóng do không có chứng cứ chứng minh, vì vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Bà L2 và ông H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho bà L và ông H là 56.680.000 đồng x 5% = 2.834.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc L và ông Lâm Ngọc H về việc buộc bà Nguyễn Thị Kha L2 và ông Võ Thanh H2 phải liên đới trả số tiền 56.680.000 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) cho bà Ngô Thị Ngọc L và ông Lâm Ngọc H.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc L và ông Lâm Ngọc H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kha L2 và ông Võ Thanh H2 phải trả số tiền lãi tổng cộng là 15.260.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Kha L2 và ông Võ Thanh H2 phải cùng chịu án phí số tiền 2.834.000 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

- Trả lại cho bà Ngô Thị Ngọc L và ông Lâm Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.798.500 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009322 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH2 thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDS Tp. H;
- Những người TGTT,
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Chí Dũng